

Số: 01603-1/N3.25/DG

Ngày: 25/08/2025

## CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

- Tên hàng hóa (khai báo) : Hộp nhựa PP màu trắng đục kèm nắp
- Ký mã hiệu (khai báo) : -
- Số lượng (khai báo) : 01 mẫu
- Đơn vị yêu cầu giám định : CÔNG TY TNHH SSAMM PACK
- Văn bản yêu cầu giám định :  
- Phiếu yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số 01603/N3.25/DG, ngày 19/08/2025.
- Cơ sở để tiến hành giám định :
  - QCVN 12-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
  - 21CFR 178.3297 - Quy định của FDA (US) - Các chất màu dùng cho polymer.
  - QUATEST3 3020:2025 – Quy trình giám định số lượng, chất lượng và an toàn thực phẩm
- Ngày giám định : 20/08/2025 – 25/08/2025.
- Địa điểm giám định : Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

## 9. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

### 9.1) Tổng quan chung:

#### a) Mô tả mẫu:



#### b) Kết quả chi tiết: (Xem trang 2/2)

9.2) Kết luận: Mẫu giám định có kết quả các chỉ tiêu nêu tại mục 9.1.b phù hợp với yêu cầu nêu tại mục 6.1 & 6.2 đối với *hộp và nắp nhựa* dùng để đựng các loại thực phẩm.

*Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.*

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Lê Kim Hiền



GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Dũng

9. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

9.1) Tổng quan chung:

b) Kết quả chi tiết:

| Stt | Tên chỉ tiêu                                                                                            | Kết quả           |             | Yêu cầu<br>nêu tại mục 6           |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|------------------------------------|
|     |                                                                                                         | Thân              | Nắp         |                                    |
| 1   | Định danh nhựa                                                                                          | PP + PE (*)       | PP + PE (*) | Thuộc nhóm nhựa<br>nêu tại mục 6.1 |
| 2   | Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL                                                              |                   |             | ≤ 30                               |
|     | - Trong nước, 60°C, 30 phút                                                                             | < 5               | < 5         |                                    |
|     | - Trong acid acetic 4%, 60°C, 30 phút                                                                   | < 5               | < 5         |                                    |
|     | - Trong ethanol 20%, 60°C, 30 phút                                                                      | < 5               | < 5         |                                    |
|     | - Trong heptan, 25°C, 60 phút                                                                           | < 5               | < 5         |                                    |
| 3   | Khả năng thôi màu từ mẫu trong<br>các chất chiết nêu trên                                               | Không<br>thôi màu | -           | Không thôi màu                     |
| 4   | Hàm lượng KMnO <sub>4</sub> tiêu thụ chiết được<br>từ mẫu trong nước, 60°C, 30 phút, µg/mL              | < 1               | < 1         | ≤ 10                               |
| 5   | Hàm lượng kim loại nặng (quy ra chì)<br>chiết được từ mẫu trong acid acetic 4%, 60°C,<br>30 phút, µg/mL | < 1               | < 1         | ≤ 1                                |
| 6   | Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g                                                             |                   |             | ≤ 100                              |
|     | - Chì (Pb)                                                                                              | < 5               | < 5         |                                    |
|     | - Cadmi (Cd)                                                                                            | < 5               | < 5         |                                    |

(\*) PP: Polypropylene; PE: Polyethylene.



1



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-05115AHD5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

22/08/2025  
Trang 01/04

1. Tên mẫu : HỘP NHỰA PP MÀU TRẮNG ĐỤC KÈM NẮP
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
(xem hình trang 04/04)  
Trên bao chứa mẫu có thông tin hồ sơ 01603/N3.25/DG-G (Nhanh)
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 19/08/2025
5. Thời gian thử nghiệm : 20/08/2025 - 22/08/2025
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH SSAMM PACK  
Tổ 4, Khu phố 11, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem các trang tiếp theo

TL. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG

Tiêu Trọng Minh Luân

TL. GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM  
KỸ THUẬT  
TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG  
CHẤT LƯỢNG 3  
PHAN THÀNH TRUNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Phiếu kết quả thử nghiệm được ký điện tử bởi Trung tâm Kỹ thuật 3, mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
The test report is digitally signed by QUATEST3, for further information please contact us at the email [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn).
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam    Tel: (84-28) 3829 4274    Fax: (84-28) 3829 3012    E-mail: info@quatest3.com.vn    Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 LZ, Dong Nai, Vietnam    C5 lot, D1 road, Cat Lai LZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam    64 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

|                 |                                                       |                           |
|-----------------|-------------------------------------------------------|---------------------------|
| KT3-05115AHD5/1 | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | 22/08/2025<br>Trang 02/04 |
|-----------------|-------------------------------------------------------|---------------------------|

A- PHẦN THÂN

| Tên chỉ tiêu                                                                  | Đơn vị tính | Phương pháp thử         | Giới hạn phát hiện | Kết quả thử nghiệm           |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|--------------------|------------------------------|
| 7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt trong)            | -           | ASTM E 1252 – 98 (2021) | -                  | Polypropylene + Polyethylene |
| <b>THỬ VẬT LIỆU</b>                                                           |             |                         |                    |                              |
| 7.2 Hàm lượng chì                                                             | µg/g        | QCVN 12-1 : 2011/BYT    | 5,0                | KPH                          |
| 7.3 Hàm lượng cadmi                                                           | µg/g        | QCVN 12-1 : 2011/BYT    | 5,0                | KPH                          |
| <b>THỬ NGÂM THÔI NHIỄM</b>                                                    |             |                         |                    |                              |
| 7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C | µg/mL       | QCVN 12-1 : 2011/BYT    | -                  | < 1                          |
| 7.5 Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C            | µg/mL       | QCVN 12-1 : 2011/BYT    | 1,0                | KPH                          |
| 7.6 Hàm lượng cặn khô                                                         |             | QCVN 12-1 : 2011/BYT    |                    |                              |
| • Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C                                            | µg/mL       |                         | 5,0                | KPH (KTM)                    |
| • Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C                                | µg/mL       |                         | 5,0                | KPH (KTM)                    |
| • Trong nước sau 30 phút ở 60 °C                                              | µg/mL       |                         | 5,0                | KPH (KTM)                    |
| • Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C                              | µg/mL       |                         | 5,0                | KPH (KTM)                    |

**Ghi chú :** KPH: không phát hiện  
KTM: không thôi màu (Đánh giá ngoại quan, dung dịch chiết sau khi thử thôi nhiễm trong, không bị thôi màu)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Phiếu kết quả thử nghiệm được ký điện tử bởi Trung tâm Kỹ thuật 3, mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
*The test report is digitally signed by QUATEST3, for further information please contact us at the email dh.cs@quatest3.com.vn.*
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

KT3-05115AHD5/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

22/08/2025  
Trang 03/04

**B- PHẦN NẮP**

| Tên chỉ tiêu                                                                  | Đơn vị tính | Phương pháp thử         | Giới hạn phát hiện | Kết quả thử nghiệm           |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|--------------------|------------------------------|
| 7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt trong)            | -           | ASTM E 1252 – 98 (2021) | -                  | Polypropylene + Polyethylene |
| <b>THỬ VẬT LIỆU</b>                                                           |             |                         |                    |                              |
| 7.2 Hàm lượng chì                                                             | µg/g        | QCVN 12-1 : 2011/BYT    | 5,0                | KPH                          |
| 7.3 Hàm lượng cadmi                                                           | µg/g        | QCVN 12-1 : 2011/BYT    | 5,0                | KPH                          |
| <b>THỬ NGÂM THÔI NHIỄM</b>                                                    |             |                         |                    |                              |
| 7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C | µg/mL       | QCVN 12-1 : 2011/BYT    | -                  | < 1                          |
| 7.5 Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C            | µg/mL       | QCVN 12-1 : 2011/BYT    | 1,0                | KPH                          |
| 7.6 Hàm lượng cặn khô                                                         |             | QCVN 12-1 : 2011/BYT    |                    |                              |
| • Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C                                            | µg/mL       |                         | 5,0                | KPH                          |
| • Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C                                | µg/mL       |                         | 5,0                | KPH                          |
| • Trong nước sau 30 phút ở 60 °C                                              | µg/mL       |                         | 5,0                | KPH                          |
| • Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C                              | µg/mL       |                         | 5,0                | KPH                          |

**Ghi chú :** KPH: không phát hiện

**QUATEST 3®**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Phiếu kết quả thử nghiệm được ký điện tử bởi Trung tâm Kỹ thuật 3, mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
*The test report is digitally signed by QUATEST3, for further information please contact us at the email dh.cs@quatest3.com.vn.*
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

KT3-05115AHD5/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

22/08/2025  
Trang 04/04



**QUATEST 3®**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Phiếu kết quả thử nghiệm được ký điện tử bởi Trung tâm Kỹ thuật 3, mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*The test report is digitally signed by QUATEST3, for further information please contact us at the email [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn).*
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*